

Số: 656/BC-UBND

Hương Trà, ngày 08 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình bố trí và dự kiến huy động nguồn lực thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 600/SKHĐT-KGVX ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tình hình bố trí và dự kiến huy động nguồn lực thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025; UBND thị xã Hương Trà báo cáo như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA CỦA THỊ XÃ

1. Tình hình kinh tế - xã hội của thị xã tác động đến công tác thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Thị xã đã hoàn thành Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 đảm bảo kế hoạch đề ra, là cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục thị xã trong thời gian đến.

Nhiều dự án trọng điểm làm thay đổi diện mạo của thị xã đã và đang được đầu tư như: Đường ven Sông Bồ (Tứ Hạ - Hương Toàn), Quảng trường, Nhà Văn hoá Trung tâm thị xã, chỉnh trang QL1A từ Tứ Hạ - Hương Chử... góp phần nâng tầm Hương Trà là đô thị động lực phía Bắc của tỉnh và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường.

Phong trào “ Ngày Chủ nhật xanh ” ngày càng lan toả và có sự chuyển biến rất rõ nét, thực hiện đồng bộ từ thị xã đến xã, phường, tổ dân phố (TDP), thôn, xóm và trường học tạo được sự hưởng ứng tích cực của Nhân dân; cán bộ, đảng viên và giáo viên, học sinh góp phần thay đổi diện mạo, cảnh quan đô thị Hương Trà ngày càng “ Xanh, sạch, đẹp”.

Năm học 2022-2023, công tác huy động và duy trì số lượng các cấp học đạt kế hoạch đề ra. Triển khai có hiệu quả chương trình, sách giáo khoa mới năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 6, 7 và chủ động chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình đối với lớp 4 và lớp 8. Tổ chức và tham gia dự các kì thi học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh đạt được những kết quả cao. Thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt: 08 giải MTCT (01 giải nhì, 03 giải ba và 04 giải khuyến khích), học sinh giỏi lớp 9 đạt 21 giải (02 giải nhì, 09 giải ba và 10 giải khuyến khích). Hoàn

thành công tác tuyển sinh, tổ chức thi, xét tuyển vào lớp 6, lớp 10 tại các Trường THPT trên địa bàn; tổ chức thành công kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023 (tỷ lệ tốt nghiệp của các trường lần lượt như sau: THPT Đặng Huy Trứ đạt 99,16%, THPT Hương Trà đạt 99,6%, THPT Bình Điền đạt 100%).

Đến nay, trên địa bàn thị xã có 29/38 trường đạt Chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 76,32% (trong đó có 06/11 trường MN, 14/15 trường Tiểu học, 07/9 trường THCS và 02 trường THPT).

2. Tổng số trường, lớp, học sinh của cấp học: mầm non, tiểu học, THCS, TH&THCS trên địa bàn; việc thành lập/sáp nhập trường.

Giai đoạn 2021-2023 số lượng học sinh (trẻ) đến trường biến động không cao, cho nên điều kiện đảm bảo đáp ứng việc huy động học sinh (trẻ) đến trường.

Năm học 2021-2022:

Cấp học	Số trường	Số lớp	Số HS (trẻ)	Tỉ lệ huy động	Ghi chú
Mầm non	11	151	3.979/6.709	59,31	
Tiểu học	15	210	6.304/6.255	100,67	
THCS	09	111	3.840/3.869	99,25	

- Năm học 2022-2023:

Cấp học	Số trường	Số lớp	Số HS (trẻ)	Tỉ lệ huy động	Ghi chú
Mầm non	11	159	4.217/6.017	70,08	
Tiểu học	15	208	6.375/6.379	99,94	
THCS	09	112	4.092/4.105	99,68	

- Năm học 2023-2024:

Cấp học	Số trường	Số lớp	Số HS (trẻ)	Tỉ lệ huy động	Ghi chú
Mầm non	11	145	4.412/6.575	67,10	
Tiểu học	15	204	6.232/6.234	99,96	
THCS	09	119	4.480/4.493	99,70	

3. Thực trạng đội ngũ cán bộ, giáo viên (số lượng, chất lượng) cấp học mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn thị xã (lưu ý số lượng nhân viên cấp dưỡng, nhân viên bảo vệ đối với các trường có nhiều điểm trường).

Hằng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND thị xã về việc tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm CBQL, GV, NV đảm bảo về cơ cấu, số lượng, chất lượng cho các cơ sở giáo dục.

Nghiêm túc thực hiện chính sách về tuyển dụng, lương, phụ cấp lương theo từng vị trí việc làm theo các văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với nhân viên bảo vệ và cấp dưỡng, thị xã đã thực hiện các chính sách quy định như sau:

- Đối với nhân viên bảo vệ: Cơ sở giáo dục trả lương từ nguồn ngân sách theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về việc Hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (gọi là Nghị định 111).

- Đối với nhân viên nuôi dưỡng: Trả lương từ nguồn đóng góp của cha mẹ theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cấp học	Số trường	Số lượng điểm trường lẻ	Biên chế giao	Hiện có						NV cấp dưỡng		Ghi chú
				CBQL	GV	NV	BV	TC	+/-	Hiện có	+/-	
Mầm non	11	20	400	31	324	23	22	400		82		
Tiểu học	15	03	402	30	311	45	16	402		7		
THCS	09	0	329	18	257	45	9	329		0		
Tổng cộng	35	23	1.131	79	892	113	47	1.131				

4. Thực trạng cơ sở vật chất trường học so với yêu cầu.

Phòng học: Hiện nay, các cấp học đảm bảo số lượng, quy cách phòng học theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi là Thông tư 13, 14): Mỗi lớp có 01 phòng riêng đối với mầm non, tiểu học; 0,6 phòng/lớp đối với THCS.

Phòng học bộ môn đối với tiểu học, THCS của một số ít cơ sở giáo dục còn thiếu, sử dụng phòng học làm phòng học bộ môn cho nên diện tích, quy cách, thiết bị chưa đảm bảo theo quy định tại các Thông tư 13, 14 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khôi phòng hành chính quản trị (HCQT): Khôi phòng HCQT đủ để tổ chức hoạt động quản lý. Khu HCQT có 22/35 đơn vị có khu đảm bảo đủ các phòng theo quy định tại Thông tư 13; những đơn vị còn lại đang sử dụng phòng học làm khôi phòng HCQT.

Khôi phòng hỗ trợ học tập và phụ trợ: Các đơn vị sắp xếp, bố trí chủ yếu tại phòng học. Tùy công năng sử dụng, các đơn vị thông phòng để mở rộng diện tích như thư viện, hoặc ngăn phòng thành 02 phòng để bố trí phòng y tế, thiết bị...

Khôi phòng tổ chức ăn (phục vụ sinh hoạt đối với phổ thông): Các đơn vị có tổ chức ăn bán trú cho học sinh (đối với mầm non có 11/11 đơn vị; TH có 3/15 đơn vị) đều có hệ thống nhà bếp, kho bếp theo quy định.

Khu sân chơi, sân thể dục thể thao: Các đơn vị đã quy hoạch khu riêng, đủ diện tích và thiết bị để tổ chức cho trẻ khám phá, trải nghiệm, rèn luyện thể dục thể thao theo yêu cầu chương trình của mỗi cấp học. Tuy nhiên, các đơn vị THCS thiết bị vận động chưa phong phú, đa dạng.

Hạ tầng kỹ thuật: Các cơ sở giáo dục đã đầu tư đầy đủ hạ tầng kỹ thuật gồm các hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc, thu gom rác thải, phòng cháy chữa cháy đảm bảo yêu cầu về số lượng, tính an toàn trường học. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy được đầu tư đạt tiêu chuẩn theo quy định đang còn thấp. Hiện nay chỉ có 3/11 mầm non, 2/15 đơn vị TH và 1/9 đơn vị THCS được đầu tư hệ thống PCCC hiện đại, đạt tiêu chuẩn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, lập kế hoạch, triển khai, tổ chức thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; tổ chức tuyên truyền; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để triển khai, thực hiện.

Căn cứ các Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 07/6/2021 của Thị ủy Hương Trà, UBND thị xã Hương Trà ban hành Kế hoạch số 2495/KH-UBND ngày 08/7/2021 về việc Xây dựng Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn của cả nước về giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 3025/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 về Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thị xã Hương Trà giai đoạn 2021-2025;

Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND thị xã ban hành kế hoạch và trực tiếp ban hành kế hoạch kèm lộ trình hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch thị xã;

Các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương đã ban hành các nghị quyết, kế hoạch KĐCLGD&CQG và chỉ đạo tập trung huy động nhiều nguồn lực tại địa phương để đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị dạy học.

2. Công tác phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan lồng ghép thực hiện việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch của UBND thị xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã làm việc với các phòng, ban chuyên môn và địa phương để xây dựng chương trình hành động với một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thị xã Hương Trà và Phòng Tài chính - Kế hoạch về kế hoạch duy tu, sửa chữa các công trình xuống cấp và đầu tư mới và sơ đồ quy hoạch tổng thể các nhà trường;

- Phối hợp với Phòng Nội vụ về kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng tổ chức hoạt động giảng dạy, giáo dục cho đội ngũ của toàn ngành;

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch quy hoạch đất cho các cơ sở giáo dục;

- Phối hợp với Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao về kế hoạch tuyên truyền chủ trương, chính sách liên quan đến giáo dục và đưa sách về cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã;

Lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới và Đô thị văn minh để đầu tư cơ sở hạ tầng trường học.

3. Các giải pháp, cơ chế chính sách đã triển khai thực hiện để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã bám sát các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế chính sách cho đội ngũ giáo viên và học sinh, tham mưu văn bản hướng dẫn kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, chính xác chế độ quy

định nhằm hỗ trợ đảm bảo cho mọi đối tượng trong xã hội có điều kiện tham gia học tập, cống hiến phục vụ tốt ngành giáo dục.

- Đối với đội ngũ của toàn ngành:

+ Thực hiện nhiệm vụ nâng cao trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, được cụ thể hóa tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn I và Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn I;

+ Thực hiện xếp lương giáo viên theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Thực hiện chi trả tiền lương làm thêm giờ của giáo viên được quy định tại Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2023 của Liên Bộ Giáo dục và Đào Tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Đối với học sinh (trẻ)

+ Thực hiện chính sách về hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

+ Thực hiện chính sách thu học phí, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2020 - 2021;

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ được quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

+ Chính sách hỗ trợ cho trẻ khuyết tật tại Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-LĐTĐ&XH-BTC ngày 08/3/2023 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Bộ LĐTB&XH và Bộ Tài chính về việc Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

4. Nguồn ngân sách đầu tư cho các trường (nêu rõ các nguồn TW, tỉnh, huyện, xã), trong đó nêu rõ phần kinh phí đầu tư cho việc mua sắm thiết bị dạy học, sách giáo khoa và xây dựng cơ sở vật chất trường học (trong đó, đầu tư xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp, có số liệu từng năm, từ năm 2021-2023).

a) Mua sắm thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT 2018, ngân sách tỉnh cấp 100%.

b) Đầu tư công trình:

Với nhiều nguồn ngân sách nhà nước các cấp và xã hội hóa đã duy tu, sửa chữa, đầu tư nhiều hạng mục, công trình nhằm đáp ứng yêu cầu. Qua đầu tư, thấy được rằng sự quan tâm rất lớn các cấp chính quyền đã thật sự chăm lo cho sự nghiệp giáo dục thông qua KĐCLGD&CQG.

Các dự án đã hoàn thiện năm 2023 gồm 08 dự án với tổng số kinh phí là 52.24 tỷ đồng đã bố trí vốn đầu tư năm 2023 là 47.070 triệu đồng, kế hoạch bố trí vốn năm 2024 là 6.172 triệu đồng.

Các dự án đang thực hiện năm 2024 gồm 03 dự án với tổng số kinh phí là 18.145 tỷ đồng đã bố trí vốn 10.136 triệu đồng, kế hoạch bố trí vốn năm 2024 là 8.009 triệu đồng.

Các dự án chưa thực hiện gồm 08 dự án với tổng số kinh phí là 52.079 tỷ đồng kế hoạch bố trí vốn năm 2024 là 23.489 triệu đồng, nhu cầu kế hoạch vốn năm 2025 là 28.590 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục)

5. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với các trường thuộc phạm vi quản lý trong việc xây dựng và duy trì kết quả trường đạt chuẩn quốc gia; công tác cải tiến chất lượng.

Hàng năm, sau khi có kế hoạch của thị xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thực hiện kế hoạch với một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Ban hành kế hoạch và lộ trình cụ thể cho từng đơn vị để thực hiện;

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác KĐCLGD&CQG đối với các đơn vị thuộc lộ trình là 100% và không thuộc lộ trình khoảng 20%;

c) Tổ chức các đoàn kiểm tra, trong đó có đoàn kiểm tra liên ngành của thị xã, đoàn kiểm tra nội bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo với một số nội dung cụ thể như sau:

- Công tác quản lý của nhà trường: Tham mưu địa phương ban hành văn bản chỉ đạo; nhà trường ban hành kế hoạch thực hiện, kế hoạch tự kiểm tra, kế hoạch và kiểm tra đánh giá chất lượng cải tiến chất lượng giáo dục, chất lượng báo cáo tự đánh giá và công tác lưu trữ hồ sơ;

- Công tác tự đánh giá: Quy trình thực hiện, chất lượng các sản phẩm của cá nhân và thư ký của hội đồng tự đánh giá, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và công tác lưu trữ hồ sơ của nhà trường;

- Công tác lập hồ sơ xin đánh giá ngoài.

d) Tham mưu UBND thị xã tổ chức hội nghị đánh giá tình hình thực hiện công tác KĐCLGD&CQG với sự tham gia: lãnh đạo Thị uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã; lãnh đạo địa phương và các phòng, ban chuyên môn liên quan và các CSGD.

7. Đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy định về công nhận trường chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non, phổ thông; các trường đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không còn đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định (số lượng/cấp học); số trường đã gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài nhưng chưa đáp ứng yêu cầu (nêu cụ thể tên trường).

Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý công tác KĐCLGD&CQG đối với các cơ sở giáo dục theo quy định; thường xuyên tổ chức rà soát thực trạng điều kiện để kịp thời đề xuất, tham mưu các cấp giải pháp hiệu quả và xây dựng lộ trình thực hiện hợp lý, khoa học trên cơ sở thống nhất của địa phương và nhà trường.

Sau khi triển khai các giải pháp thực hiện, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp tình hình cụ thể như sau:

- Số trường đã công nhận đạt chuẩn quốc gia gồm 27/35 trường: Trong đó, MN: 06/11; TH: 14/15; THCS: 07/9;

- Số trường đã quá thời hiệu công nhận đạt chuẩn quốc gia gồm 19/25 trường: MN: 03/5; TH: 10/13; THCS: 06/7;

- Số trường đã gửi hồ sơ xin đánh giá ngoài gồm 08 trường: Trong đó có 01 trường MN công nhận lần đầu: MN Hương Xuân.

8. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia khi các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo có sự thay đổi.

a) Thuận lợi

Thị xã đã có kế hoạch mua sắm trang thiết bị dạy học cho khối lớp 1, 2, 3, 6, 7 thuộc Chương trình GDPT 2018; đầu tư trung hạn, dài hạn cơ sở hạ tầng các đơn vị trường học theo kế hoạch KĐCLGD&CQG năm và giai đoạn của UBND thị xã.

Cấp ủy, chính quyền các địa phương đã có nghị quyết, kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình của Kế hoạch của UBND thị xã Hương Trà.

Công tác xã hội hóa đã tác động mạnh mẽ đến hiệu quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia và thúc đẩy, phát triển chất lượng giáo dục.

Tranh thủ nhiều nguồn lực đầu tư đồng bộ, hiệu quả CSVN và mua sắm trang thiết bị dạy học (TBDH).

Chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục toàn diện của các nhà trường ngày càng được nâng lên rõ rệt.

b) Khó khăn

Nhiều trường học cơ sở vật chất xuống cấp; không đủ các phòng của khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập (nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ đối với mầm non), khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng phụ trợ, khối phòng phục vụ sinh hoạt và khu sân chơi thể dục thể thao theo yêu cầu tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020.

Một số trường chưa chủ động tham mưu địa phương kế hoạch để thực hiện theo lộ trình và tiến độ triển khai dự án đầu tư chậm cho nên ảnh hưởng tiến độ thực hiện kế hoạch.

c) Một số vướng mắc khi triển khai thực hiện

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hệ thống văn bản chưa đồng bộ, hướng dẫn chưa cụ thể để giúp cơ quan quản lý định hướng, xây dựng kế hoạch. Các Thông tư đang thực hiện là 17, 18, 19 và các văn bản đang có hiệu lực chưa đồng bộ, chồng chéo và thậm chí mâu thuẫn (Điều lệ trường học, Thông 13, 14...);

Yêu cầu của Thông tư 13, 14 áp dụng thực hiện khi Thông tư có hiệu lực 11/7/2020, trong lúc đó văn bản ban hành ngày 26/5/2020 (chỉ sau 45 ngày) là điều quá khó khăn cho triển khai thực hiện.

- Đối với tỉnh:

Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai chậm ảnh hưởng tiến độ đầu tư các công trình trường học.

- Đối với thị xã:

Tiến độ thi công các công trình chậm so với kế hoạch

- Đối với địa phương:

Nguồn đối ứng ngân sách cho các công trình đang gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến đầu tư khác

- Đối với CSGD:

Công tác lập thủ tục đúng quy trình mua sắm thiết bị dạy học chậm; nguồn hàng của các công ty trúng thầu chậm bàn giao cho nhà trường (có loại hàng chậm 01 năm học).

9. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức nhiều cuộc kiểm tra, rà soát các đơn vị thuộc lộ trình KĐCLGD&CQG gồm:

- Kiểm tra liên ngành: Đầu tư, xây dựng, quỹ đất, đội ngũ;
- Kiểm tra công tác quản lý;
- Kiểm tra quy trình thực hiện tự đánh giá và hồ sơ tự đánh giá;
- Kiểm tra tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

Qua kiểm tra, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã nắm chắc tình hình thực hiện KĐCLGD&CQG để vừa điều chỉnh, bổ sung giải pháp thực hiện vừa đề xuất, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý những tình huống xảy ra trong thực tế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được.

Nâng cao chất lượng toàn diện các nhà trường, góp phần nâng chất lượng giáo dục của địa phương;

Nhận thức của xã hội và hệ thống chính trị được nâng lên thể hiện qua các nghị quyết, kế hoạch, chính sách;

Năng lực đội ngũ đảm bảo cả chất và lượng đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục;

Phương pháp học tập, kỹ năng sống của học sinh ngày càng củng cố và phát triển theo hướng hội nhập giáo dục thế giới và thích ứng môi trường kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay;

Hệ thống trường, lớp học khang trang, hiện đại, an toàn, hạnh phúc tạo cơ hội cho học sinh học tập và rèn luyện tốt hơn.

2. Hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa được điều chỉnh kịp thời để đảm bảo tính đồng bộ;

Kinh tế, xã hội những vùng kinh tế, xã hội khó khăn khó tiếp cận đạt tiêu chuẩn KĐCLGD&CQG;

Kinh tế trong giai đoạn suy thoái cũng là lực cản trong đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật theo yêu cầu;

Năng lực đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị dạy học chậm và chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

3. Nguyên nhân.

Cán bộ quản lý các nhà trường còn lúng túng trong công tác tham mưu;

Ngân sách thị xã và phân đối ứng ngân sách xã, phường cho các công trình còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ về đầu tư cơ sở hạ tầng;

Tiến độ xây dựng các công trình và mua sắm thiết bị dạy học chậm so với hợp đồng, vì thế chậm bàn giao ảnh hưởng hoạt động giáo dục của nhà trường.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và toàn xã hội; tăng cường vai trò quản lý, chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước và các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về vai trò, mục đích và ý nghĩa của công tác KĐCLGD&CQG;

2. Các CSGD phổ biến công khai và quán triệt hệ thống các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp quản lý về KĐCLGD&CQG đến tận cán bộ, giáo viên, nhân viên. Xây dựng kế hoạch công tác KĐCLGD&CQG những năm còn lại thuộc giai đoạn 2021 - 2025 và từng năm theo lộ trình của UBND thị xã;

3. Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện quy trình tự đánh giá của CSGD theo kế hoạch; xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm; tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm công tác tự đánh giá;

4. Tham mưu hiệu quả các cấp quản lý giáo dục, chính quyền địa phương trong việc bổ sung đầy đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng đội ngũ; duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp và xây mới cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo quy định theo từng cấp học.

5. Nâng cao năng lực tham mưu của nhà trường, kỹ năng tự đánh giá của hội đồng tự đánh giá của nhà trường để hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá có chất lượng.

6. Tăng cường nhiều giải pháp đồng bộ để đầu tư nguồn lực đảm bảo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024 và 2025 đạt Kế hoạch 3025/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Kế hoạch 335/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh (kèm phụ lục)

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm đồng bộ hệ thống các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện KĐCLGD&CQG phù hợp điều kiện kinh tế, xã hội cho từng vùng miền;

- Đẩy nhanh tiến độ đánh giá ngoài.

2. Đối với thị xã

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư công giai đoạn 2021-2025 theo các Nghị quyết 92 và 40 của HĐND thị xã;

- Đảm bảo tiến độ, chất lượng và kịp thời bàn giao cho nhà trường sử dụng các công trình đảm bảo hoạt động giáo dục.

3. Đối với địa phương

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo công tác KĐCLGD&CQG để chủ động tham mưu UBND thị xã và các phòng, ban chuyên môn liên quan về chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục và đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật;

- Kiểm tra và rà soát tiến độ xây dựng và bàn giao các công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng kịp thời.

Trên đây là báo cáo tình hình bố trí và dự kiến huy động nguồn lực thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Ngọc An

